TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH H** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** _____
Số: 89/2022/QĐST-HNGĐ	*Y, ngày 29 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 86/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị N, sinh năm 1995.
- Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Khu phố Đ, Thị trấn H1, huyện Y, tỉnh H.

Căn cứ Điều 212, Điều 213; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1**.** Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa: Chị Triệu Thị N và anh Bùi Văn T.

2**.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị N và anh Bùi Văn T thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Chị Triệu Thị N và anh Bùi Văn T có 01 con chung tên là Bùi Ngọc T, sinh ngày 21/01/2016. Vợ chồng ly hôn chị N và anh T thống nhất thỏa thuận giao cháu Tr cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Triệu Thị N chưa yêu cầu anh Bùi Văn T có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét.

Anh Bùi Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom gây ảnh hưởng đến việc chăm sóc, giáo dục con chung.

c. Về tài sản, công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về án phí: Chị Triệu Thị N và anh Bùi Văn T mỗi người phải nộp 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng chị N tự nguyện nhận nộp cả phần án phí của anh T nên số tiền án phí chị N phải nộp là 150.000 đồng, chị N được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002278 ngày 08/08/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh H. Chị Triệu Thị N còn được hoàn trả lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ;
- VKSND huyện Y;
- UBND Thị trấn H1;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Lưu hồ sơ vụ án, AV.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Hảo